

KẾ HOẠCH TUẦN 4 - HỌC KỲ II - NH 2021.22

Từ ngày: **21/02/2022 → 26/02/2022**

Chủ đề tháng 2: "Thanh niên với lý tưởng cách mạng."

I- CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG - PHÁP CHẾ - TỔ CHỨC: *Thực hiện nghiêm các VB hướng dẫn phòng chống Covid19 (5K).*

- PHT2 tiếp tục phân luồng và thời gian đến trường của HS; tổ chức Khai báo Y tế mọi người; đo thân nhiệt mọi người khi đến trường, rửa tay khử khuẩn.... (Tồn thể GV-HS). *GVCN đồn đốc học sinh Khai Báo Y tế trong ngày thứ Hai của tuần.*
- Đề nghị CB-GV-NV khi đến trường mặc trang phục đúng qui định LƯU Ý MẶC ĐỒNG PHỤC SÁNG THỨ 2(NamGV có đeo Caravat)
- Thứ Hai (21/2): Tiết 1 tiến hành **Đại hội Chi đoàn tại tất cả các lớp.** (TLTN+GVCN+ Chi đoàn lớp)
8g40: Họp Liên tịch. (SKKN, Quy chế xét nâng lương trước hạn, thông qua lịch Kiểm tra....)
- Hướng nghiệp: 8g30- 22/2 - Cao Đăng Sài Gòn + Trường ĐH NTT.
- **Kiểm tra An toàn trường học, An toàn PCCC.** (PHT2 chỉ đạo)
- Thứ Bảy(6g30-26/2): Tổ chức điểm thi **Hội đồng thi nghề THPT Khóa ngày 26/2/2022.** (Theo phân công của SỞ GD)
Có thể thứ sáu 25/2 Sở có tập trung GV coi thi nghề thực hiện công tác.

II- TRẬT TỰ - NỀ NẾP - VỆ SINH:

- Nhắc nhở học sinh: Trong giờ ra chơi học sinh ở lớp, hành lang hoặc xuống sân theo khu vực PHT2 phân chia, không đem đồ ăn nước uống vào trường, tuyệt đối không được ăn uống trong phg học, không ồn ào trong giờ nghỉ trưa. HS không được chơi đá cầu, cầu lông, chạy nhảy ở các hành lang trên lầu. HS không được leo trèo lan can lầu cao, hàng rào, cây cao; không phá bảng điện. Giáo dục HS **Giữ gìn vệ sinh chung** (GV+Gthị).
Lưu ý: Gthị nhắc HS trong giờ nghỉ trưa: không được chơi bất kỳ môn TDTT nào, Không chạy nhảy, Giữ yên tĩnh cho người khác.
- GVCN nhắc HS lớp dọn dẹp VS lớp sạch gọn, sắp xếp bản tin khoa học, các màn cửa phải treo lên không vút ở góc lớp.
- Vệ sinh sân trường: theo Kế hoạch lao động của PHT2. (GVCN+GThị+PV)
- Thí điểm chấm sơ kết tuần 01 HKII (11/2 - 17/02).

III- CHI BỘ - ĐOÀN THỂ:

- Tiếp đảng viên, GV, NV và phụ huynh lúc **8g40** và **14g40** hằng ngày. (BTCB+HT+Cô Diệp)
- Thứ Tư(7g30-23/2): Dự HN công tác công đoàn cụm CM 4. (CTCĐ - THPT NTT)
- Gửi Hồ sơ thảo luận về thực hiện Qui chế nâng lương trước hạn để đến từng GV-NV đóng góp ý kiến. (CTCĐ + HT)
- Thứ Hai(7g00-7g45): Đại hội Chi đoàn tại tất cả các lớp. (TLTN+GVCN+ Chi đoàn lớp)
- Thứ Tư(13g30-23/2): Tổ chức lớp Đối tượng Đoàn dành cho HS khối 10 tại Hội trường D. (TLTN+BCHĐT)
- Thứ Năm(8g30-24/2): Họp giao ban công tác Trợ lý thanh niên toàn Thành tại trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng. (TLTN)
- Chuẩn bị hồ sơ, nhân sự, báo cáo...cho Đại hội Đoàn trường nhiệm kỳ 2021-22 dự kiến diễn ra lúc 13h00 ngày 02/03/2022 (TLTN - BCHĐT).

IV- CHUYÊN MÔN:

1) Công tác dạy và học: Thực hiện KH dạy học HK2 năm học 2021-22 theo TKB số 8 (áp dụng 21/2/2022).

- Triển khai tiếp tục công tác Bồi dưỡng HS giỏi. GV thực hiện theo Kế hoạch và Lịch dạy (BGH+GV dạy HSG)
- Thực hiện tiếp các công việc cuối Học Kỳ 1 - NH 2021.22: GV ký trên Sổ Đầu Bài ở HK1. (Hương in giấy)
- Tiếp tục triển khai bồi dưỡng các **Module** tiếp theo của CBQL, giáo viên thực hiện CT_GDPT_2018. (Toàn trường)

2) Thanh kiểm tra:

- Tiếp tục sửa chữa, vệ sinh quạt lớp học, loa và micro lớp, TV, bảng phấn (cập nhật Biên bản bàn giao CSVC lớp) (PHT2)
- Lắp đặt mới các quạt treo tường của các lớp bị hư không sửa được.
- Hoàn tất Lịch trực các bộ phận chức năng: Thiết bị, Tư Vấn HĐ, Y tế, Thư viện, Giám thị. (PHT2)

V- CÔNG TÁC KHÁC:

- CTCĐ + Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB-GV-NV năm học 2021.22. (CTCĐ+Nhung)
- HT + Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh năm học 2021.22. (HT+Nhung)
- Tổ chức thu tiền qua hệ SSC các khoản: 1. Chương trình Học và hoạt động 2 buổi/ngày: (TTVP)
Dự kiến Khối 10, 11 học 3,5 tháng. Khối 12 học 4 tháng.
2. Anh văn giao tiếp người nước ngoài: Khối 10 + 11 hoạt động 3 tháng.
3. Tự trang bị (học phẩm của HS) như: (Học bạ, phù hiệu, thẻ học sinh, sổ liên lạc, giấy kiểm tra, giấy làm đề...)
4. Sổ liên lạc điện tử: (50.000đ/HK2)
- Tiếp tục hoàn tất Sáng kiến có đăng ký trong năm học 2021-22. (CB-GV-NV)
- Yêu cầu CB-GV-NV: Khi đến trường mặc trang phục đúng qui định; đến đúng giờ qui định; Ra vào cổng phải xuống xe dẫn bộ, đặt xe đúng nơi, đúng chỗ và xe khóa cẩn thận. Luôn ý thức giữ gìn vệ sinh chung.

VI- CÔNG TÁC CHƯA THỰC HIỆN TRONG TUẦN TRƯỚC:

*** CÁC CÔNG TÁC, PHONG TRÀO TRONG THỜI GIAN TỚI:**

- Dự kiến 13h00 ngày 02/03: Đại hội Đoàn trường nhiệm kỳ 2021-22.

Nơi nhận:

- BGH, TTTr;
- GV + Tổ VP;
- Bản tin GV;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Xuân Phúc

SƠ KẾT THI ĐUA

Tuần 01-HKII- Từ ngày 11/02 đến ngày 17/02/2021

Lớp	GVCN	Số điểm ban đầu	Sĩ số	Số đầu bài	Số điểm danh	Điểm trừ	Vì phạm	Điểm cộng	Tổng điểm	Xếp hạng	Nhóm	XH toàn trường	XH giải đoạn đến hết tuần...
10C4	C. TRẢ (V)	4300	43	35	0	0	70	0	97.5581	7		32	
10C5	T. THÀNH (GDGD)	4200	42	0	0	0	10	0	99.7619	1		3	
10C6	C. TRÂM (L)	4200	42	60	45	0	20	0	97.0238	8		35	
10C7	C. T. HOA (H)	4200	42	65	45	0	35	0	96.5476	10		41	
10C8	C. DUNG (H)	4200	42	55	0	0	0	0	98.6905	3		18	
10C9	C. ĐIỂM (L)	4200	42	10	45	0	40	0	97.7381	6		30	
10C10	C. PHƯƠNG (AV)	4200	42	40	30	0	10	0	98.0952	5		27	
10C11	C. T. HIỀN (V)	4200	42	15	15	0	25	0	98.6905	3	I	18	
10C12	C. TRÂM (Đ)	4200	42	25	0	0	10	0	99.1667	2		10	
10C13	C. HOÀI (S)	4100	41	35	75	0	30	0	96.5854	9		40	
10C14	C. LOAN (AV)	4300	43	85	60	0	10	0	96.3953	11		42	
10C15	C. OANH (S)	4300	43	55	90	0	20	0	96.1628	13		44	
10C16	T. PHƯƠNG (T)	4200	42	65	90	0	0	0	96.3095	12		43	
11B4	C. TÂM (S)	4300	43	25	30	0	10	0	98.4884	5		22	
11B5	T. HÙNG (H)	4300	43	30	15	0	0	0	98.9535	2		12	
11B6	C. TRANG (S)	4300	43	30	0	0	0	0	99.3023	1		8	
11B7	C. TÂN (GDGD)	4300	43	0	90	0	50	0	96.7442	11		38	
11B8	T. PHÚ (T)	4300	43	50	0	0	0	0	98.8372	3		15	
11B9	C. M. HIỀN (AV)	4200	42	50	30	0	20	0	97.619	8		31	
11B10	C. N. TRÂM (T)	4300	43	15	15	0	20	0	98.8372	3		15	
11B11	T. TRƯỜNG (T)	4300	43	25	75	0	30	0	96.9767	10	II	36	
11B12	C. H. HOA (H)	4300	43	40	45	0	10	0	97.7907	6		28	
11B13	C. L. ANH (V)	4300	43	55	30	0	10	0	97.7907	6		28	
11B14	C. THƯƠNG (S)	4300	43	70	15	0	25	0	97.4419	9		33	
11B15	C. HUYỀN (T)	4300	43	85	120	0	15	0	94.8837	12		45	
12A4	T. GIANG (L)	4100	41	0	0	0	20	0	99.5122	2		6	
12A5	T. NAM (T)	4000	40	35	60	0	20	0	97.125	8		34	
12A6	C. MY (T)	3900	39	0	0	0	45	0	98.8462	3		14	
12A7	C. THÚY (T)	4100	41	60	0	0	70	0	96.8293	9		37	
12A8	C. TRINH (H)	4300	43	20	30	0	15	0	98.4884	6		22	
12A9	T. CAO (L)	4200	42	0	0	0	50	0	98.8095	4		17	
12A10	C. LÀI (AV)	4100	41	55	45	0	35	0	96.7073	10		39	
12A11	T. ĐỨC (AV)	4000	40	0	0	0	0	0	100	1		1	
12A12	C. T. VÂN (AV)	4100	41	200	15	0	15	0	94.3902	11		46	
12A13	C. THANH (V)	3800	38	30	30	0	10	0	98.1579	7		25	
12A14	C. DUNG (Đ)	4000	40	55	0	0	0	0	98.625	5		20	
10C1	C. VÂN (L)	4500	45	40	30	0	10	0	98.2222	9		24	
10C2	C. NGỌC (T)	4400	44	30	0	0	20	0	98.8636	7		13	
10C3	C. YÊN (V)	4400	44	40	0	0	25	0	98.5227	8		21	
11B1	C. BÍCH (AV)	4500	45	55	0	0	30	0	98.1111	10		26	
11B2	C. HOÀNG (L)	4100	41	25	0	0	0	0	99.3902	4		7	
11B3	T. HUY (H)	4300	43	35	0	0	0	0	99.186	5	IV	9	
12A1	T. SƠN (H)	4000	40	0	15	0	0	0	99.625	3		5	
12A2	T. VŨ (L)	4500	45	0	0	0	15	0	99.6667	2		4	
12A3	T. HỮU (T)	4500	45	0	0	0	10	0	99.7778	1		2	
12A15	C. NHUNG (V)	4000	40	40	0	0	0	0	99	6		11	